

BẢN TIN NHANH VỀ THUẾ

Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Ngày 19/10/2021



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

Thông tin chung

Ngày 29/09/2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế (“Thông tư 80”). Thông tư 80 quy định chi tiết về các nội dung quản lý thuế gồm:

- kê khai, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế;
- Xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt;
- Thủ tục hoàn thuế; miễn thuế, giảm thuế;
- Thông tin người nộp thuế;
- Kiểm tra thuế;
- Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử (“TMĐT”), kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp nước ngoài tại Việt Nam;

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

Trong bản tin này, Deloitte Việt Nam xin được cập nhật một số nội dung đáng chú ý tại Thông tư 80 nêu trên, dự kiến có nhiều tác động đến việc tuân thủ thuế để Quý Doanh nghiệp tham khảo.



BẢN TIN NHANH VỀ THUẾ

Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Ngày 19/10/2021



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

Một số nội dung đáng chú ý của Thông tư 80

KÊ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)

Phân bổ số thuế GTGT phải nộp cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất

- Tổng số thuế GTGT phải nộp cho các tỉnh nơi có cơ sở sản xuất không vượt quá số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế tại trụ sở chính:
Số thuế GTGT phải nộp cho tỉnh nơi có CSSX bằng (=) doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT nhân (x) với 2% (đối với hàng hoá chịu thuế suất thuế GTGT 10%) hoặc 1% (đối với hàng hoá chịu thuế suất thuế GTGT 5%).
- Trường hợp tổng số thuế GTGT phải nộp cho các tỉnh lớn hơn tổng số thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính:
Số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh bằng (=) số thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính nhân (x) với tỷ lệ (%) doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra tại từng tỉnh trên tổng doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra của người nộp thuế.
- Doanh thu dùng để xác định tỷ lệ phân bổ là doanh thu thực tế phát sinh của kỳ tính thuế. Trường hợp điều chuyển thành phẩm hoặc bán thành phẩm cho đơn vị khác trong nội bộ để bán ra thì doanh thu của sản phẩm sản xuất ra được xác định trên cơ sở giá thành sản xuất sản phẩm.
- Trường hợp khai bổ sung làm thay đổi doanh thu thực tế phát sinh thì người nộp thuế phải xác định và phân bổ lại số thuế phải nộp của từng kỳ tính thuế có sai sót đã kê khai bổ sung để xác định số thuế GTGT chênh lệch chưa phân bổ hoặc phân bổ thừa cho từng địa phương.

Khai, nộp thuế GTGT đối với đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất

- Người nộp thuế khai thuế GTGT tập trung và nộp hồ sơ khai thuế GTGT cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp; đồng thời nộp số tiền thuế GTGT phân bổ cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất .

Đối với đơn vị phụ thuộc trực tiếp bán hàng, sử dụng hoá đơn do chính đơn vị phụ thuộc đăng ký hoặc do người nộp thuế đăng ký với cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc, đồng thời theo dõi hạch toán đầy đủ thuế GTGT đầu ra, đầu vào; thì đơn vị phụ thuộc thực hiện khai thuế, nộp thuế GTGT cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của mình.

BẢN TIN NHANH VỀ THUẾ

Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Ngày 19/10/2021



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

Một số nội dung đáng chú ý của Thông tư 80

KÊ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Phân bổ số thuế TNDN phải nộp đối với đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất

- Số thuế TNDN phải nộp tại từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất bằng (=) số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh nhân (x) với tỷ lệ (%) chi phí của từng cơ sở sản xuất trên tổng chi phí của người nộp thuế (không bao gồm chi phí của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN).
- Chi phí để xác định tỷ lệ phân bổ là chi phí thực tế phát sinh của kỳ tính thuế.
- Số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh không bao gồm số thuế TNDN phải nộp cho hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi được xác định theo kết quả sản xuất kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi được hưởng.

Khai thuế, quyết toán thuế, nộp thuế đối với đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất

Khai thuế, tạm nộp thuế hàng quý: Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế quý, nhưng phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý theo quy định, để nộp tiền thuế TNDN tại từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất, bao gồm cả nơi có đơn vị được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Quyết toán thuế:

- Người nộp thuế khai quyết toán thuế TNDN đối với toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp; nộp số tiền thuế phân bổ cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất;
- Riêng hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN thì người nộp thuế khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp, xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo mẫu, và nộp hồ sơ tại cơ quan thuế nơi có đơn vị được hưởng ưu đãi khác tỉnh và cơ quan thuế quản lý trực tiếp;
- Trường hợp số thuế đã tạm nộp theo quý nhỏ hơn số thuế phải nộp phân bổ cho từng tỉnh theo quyết toán thuế, thì người nộp thuế phải nộp số thuế còn thiếu cho từng tỉnh. Trường hợp số thuế đã tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phân bổ cho từng tỉnh thì người nộp thuế được xác định số thuế nộp thừa và xử lý theo quy định.

BẢN TIN NHANH VỀ THUẾ

Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Ngày 19/10/2021



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

Một số nội dung đáng chú ý của Thông tư 80

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẬM NỘP, TIỀN PHẠT NỘP THỪA

Xử lý số tiền thuế nộp thừa, tiền chậm nộp nộp thừa, tiền phạt nộp thừa (khoản nộp thừa)

Người nộp thuế thực hiện (i) bù trừ khoản nộp thừa với số tiền thuế còn nợ, tiền chậm nộp còn nợ, tiền phạt còn nợ (khoản nợ) hoặc (ii) trừ vào số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phát sinh phải nộp của lần tiếp theo (khoản thu phát sinh) trong các trường hợp:

- Bù trừ với khoản nợ của người nộp thuế có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) và cùng địa bàn thu ngân sách (*) với khoản nộp thừa (1);
- Bù trừ với khoản thu phát sinh của người nộp thuế có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) và cùng địa bàn thu ngân sách với khoản nộp thừa (2);
- Tổ chức trả thu nhập có số thuế TNCN nộp thừa thì bù trừ theo quy định (1) và (2) nêu trên. Số thuế TNCN nộp thừa khi quyết toán được xác định bằng (=) số thuế nộp thừa của cá nhân uỷ quyền quyết toán trừ (-) số thuế còn phải nộp của cá nhân uỷ quyền quyết toán. Tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm trả số thuế TNCN nộp thừa cho cá nhân uỷ quyền quyết toán khi thực hiện quyết toán thuế TNCN.
- Trường hợp số tiền thuế nộp thừa bằng ngoại tệ thì phải quy đổi sang Đồng Việt nam theo tỷ giá bán ra đầu ngày của Vietcombank tại thời điểm xác định số thuế nộp thừa để bù trừ.

Hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ: Sau khi thực hiện bù trừ theo các quy định nêu trên mà vẫn còn khoản nộp thừa hoặc không có khoản nợ thì người nộp thuế được gửi hồ sơ đề nghị hoàn trả hoặc hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu ngân sách Nhà nước theo quy định.

Trình tự, thủ tục bù trừ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

- Hệ thống quản lý thuế của cơ quan thuế sẽ tự động bù trừ đối với trường hợp quy định (1) và (2) nêu trên. Cơ quan thuế sẽ cung cấp thông tin cho người nộp thuế theo quy định;
- Trường hợp người nộp thuế có khoản nộp thừa bù trừ với khoản nợ, khoản thu phát sinh có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) và cùng địa bàn thu ngân sách của người nộp thuế khác thì gửi hồ sơ đề nghị bù trừ khoản nộp thừa tới cơ quan thuế để xử lý.

() Cùng cơ quan thuế nơi người nộp thuế kê khai và nộp thừa*

BẢN TIN NHANH VỀ THUẾ

Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Ngày 19/10/2021



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

Một số nội dung đáng chú ý của Thông tư 80

THỦ TỤC HOÀN THUẾ

Người nộp thuế có thể lập Hồ sơ đề nghị hoàn thuế cho các trường hợp:

- Hoàn thuế GTGT;
- Hoàn thuế Tiêu thụ đặc biệt;
- Hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế

Tiếp nhận và phân loại hồ sơ đề nghị hoàn thuế

- Người nộp thuế có thể gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế cho cơ quan thuế bằng hai phương thức:
 - ✓ Gửi hồ sơ điện tử qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế ;
 - ✓ Nộp hồ sơ bằng giấy trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính.
- Trường hợp người nộp thuế muốn huỷ hồ sơ đề nghị hoàn thuế thì phải có văn bản đề nghị huỷ hồ sơ theo mẫu gửi cơ quan thuế . Trường hợp cơ quan thuế đã công bố Quyết định kiểm tra trước hoàn thuế thì người nộp thuế không được đề nghị huỷ hồ sơ.
- Thông tư quy định rõ 06 trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế. Hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước kiểm tra sau là hồ sơ không thuộc 06 trường hợp này.

Một số nguyên tắc giải quyết hồ sơ hoàn thuế

- Trong quá trình kiểm tra hồ sơ hoàn thuế:
 - ✓ Đối với số thuế đã xác định đủ điều kiện hoàn thì cơ quan thuế được hoàn thuế, không chờ kết quả xác minh toàn bộ hồ sơ hoàn thuế;
 - ✓ Đối với số thuế cần kiểm tra, xác minh hoặc cần giải trình bổ sung, cơ quan thuế được xử lý hoàn thuế khi có đủ điều kiện theo quy định
- Trường hợp cơ quan thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác còn nợ ngân sách (tiền thuế nợ) thì sẽ thực hiện bù trừ với số tiền thuế được hoàn (Hoàn thuế kiêm bù trừ).

BẢN TIN NHANH VỀ THUẾ

Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Ngày 19/10/2021



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

Một số nội dung đáng chú ý của Thông tư 80

ÁP DỤNG THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG (MAP)

Trường hợp áp dụng thủ tục thỏa thuận song phương theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (MAP)

- Người nộp thuế là đối tượng cư trú của Việt Nam có thể nộp đề nghị áp dụng MAP với Tổng cục Thuế khi nhận thấy việc giải quyết của cơ quan thuế nước ngoài đã hoặc sẽ làm cho NNT phải nộp thuế không đúng với quy định của Hiệp định thuế (không bao gồm thủ tục MAP đối với Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế).
- Người nộp thuế là đối tượng cư trú của nước ngoài đề nghị áp dụng MAP với cơ quan thuế nước ngoài nơi người nộp thuế là đối tượng cư trú.
- Hồ sơ đề nghị áp dụng MAP được quy định cụ thể tại Khoản 4 Điều 62 Thông tư này.

Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế

- Thời hạn là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp cần kiểm tra thực tế thì thời hạn là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

Kết quả giải quyết hồ sơ

- Cơ quan thuế ban hành quyết định miễn thuế, giảm thuế; thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế lý do không thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế; thông báo về việc người nộp thuế thuộc hoặc không thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế hoặc Điều ước quốc tế khác.

BẢN TIN NHANH VỀ THUẾ

Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Ngày 19/10/2021



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

Một số nội dung đáng chú ý của Thông tư 80

KIỂM TRA THUẾ

Kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế

- Hồ sơ thuế của người nộp thuế được phân loại thành 03 mức độ rủi ro: Rủi ro thấp, rủi ro trung bình, rủi ro cao. Đối với hồ sơ có rủi ro cao, cơ quan thuế sẽ kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế và thực hiện xử lý theo các trường hợp sau:
 - ✓ Nếu người nộp thuế chứng minh số tiền thuế đã khai là đúng thì hồ sơ thuế được chấp nhận;
 - ✓ Nếu người nộp thuế không chứng minh được số thuế đã khai là đúng, thì cơ quan thuế tiến hành ấn định số thuế phải nộp nếu có đủ căn cứ ấn định. Trường hợp không đủ căn cứ ấn định số thuế phải nộp, cơ quan thuế ban hành quyết định kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế hoặc làm cơ sở để xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo nguyên tắc quản lý rủi ro;
 - ✓ Nếu người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu, nhưng cơ quan thuế có đủ căn cứ xác định hành vi vi phạm hành chính về thuế thì cơ quan thuế lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định.

Công khai kế hoạch, chuyên đề kiểm tra hằng năm

- Kế hoạch, chuyên đề kiểm tra hằng năm (kể cả kế hoạch, chuyên đề sau điều chỉnh) của cơ quan có thẩm quyền đối với người nộp thuế phải được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan thuế, hoặc thông báo cho người nộp thuế và cơ quan thuế trực tiếp quản lý người nộp thuế (thông báo bằng văn bản, điện thoại hoặc thư điện tử) chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch, chuyên đề kiểm tra.

Kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế

- Đối với trường hợp kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế : Trường hợp cơ sở dữ liệu nếu đáp ứng điều kiện để sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin thì không nhất thiết phải tiến hành kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế .

BẢN TIN NHANH VỀ THUẾ

Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Ngày 19/10/2021



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

Một số nội dung đáng chú ý của Thông tư 80

QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh TMĐT, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của Nhà cung cấp nước ngoài tại Việt Nam

- Đối với các thủ tục về thuế (đăng ký thực hiện giao dịch thuế điện tử, đăng ký mã số thuế, khai thuế, tính thuế và nộp thuế tại Việt Nam), nhà cung cấp nước ngoài có thể trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho bên Việt Nam thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện trước sau đó ủy quyền lại cho bên Việt Nam tiếp tục thực hiện.
- Khai thuế đối với nhà cung cấp ở nước ngoài là loại thuế khai và nộp theo quý. Nhà cung cấp nước ngoài nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu:
 - ✓ Doanh thu tính thuế GTGT là doanh thu mà nhà cung cấp nước ngoài nhận được. Tỷ lệ phần trăm để tính thuế GTGT trên doanh thu được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013;
 - ✓ Doanh thu tính thuế TNDN là doanh thu mà nhà cung cấp nước ngoài nhận được. Tỷ lệ phần trăm để tính thuế TNDN trên doanh thu được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013.
- Khi xác định một giao dịch phát sinh tại Việt Nam để kê khai, tính thuế, nhà cung cấp nước ngoài thực hiện như sau:
 - ✓ Sử dụng 02 thông tin không mâu thuẫn nhau bao gồm một thông tin liên quan đến việc thanh toán của tổ chức (cá nhân) tại Việt Nam và một thông tin về tình trạng cư trú hoặc thông tin về truy cập của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;
 - ✓ Trường hợp liên quan đến việc thanh toán của tổ chức, cá nhân không thu thập được hoặc mâu thuẫn với thông tin còn lại, nhà cung cấp nước ngoài được phép sử dụng 02 thông tin không mâu thuẫn nhau bao gồm một thông tin về tình trạng cư trú và một thông tin về truy cập của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.

BẢN TIN NHANH VỀ THUẾ

Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Ngày 19/10/2021



Bản tin nhanh cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

Một số nội dung đáng chú ý của Thông tư 80

QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân ở Việt Nam có liên quan trong trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài

- Đối với tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam (bên Việt Nam) có mua hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài hoặc thực hiện phân phối hàng hoá, cung cấp dịch vụ thay cho nhà cung cấp nước ngoài không thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam; thì bên Việt Nam có nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính;
- Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay thuế cho nhà cung cấp nước ngoài đối với trường hợp cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài không thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam;
- Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo tên, địa chỉ website của nhà cung cấp nước ngoài chưa thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế cho Hội sở chính của Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Hội sở chính có trách nhiệm thông báo danh sách nhà cung cấp nước ngoài này cho các chi nhánh của ngân hàng để các chi nhánh thực hiện kê khai, khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế khi thực hiện thanh toán cho các giao dịch với nhà cung cấp nước ngoài ;
- Trường hợp cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài thanh toán bằng thẻ hoặc các hình thức khác mà ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không thể thực hiện khấu trừ, nộp thay thì ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm theo dõi số tiền chuyển cho các nhà cung cấp nước ngoài và định kỳ ngày thứ 10 hàng tháng gửi về Tổng cục Thuế để thông báo và có biện pháp quản lý;
- Việc kê khai, khấu trừ, nộp thay và theo dõi số tiền chuyển cho các nhà cung cấp nước ngoài của ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được thực hiện kể từ khi Tổng cục Thuế gửi thông báo cho Hội sở chính của ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.



Liên hệ với chúng tôi



Thomas McClelland

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

+84 28 7101 4333

tmcclelland@deloitte.com



Bùi Ngọc Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0021

tbui@deloitte.com



Bùi Tuấn Minh

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0022

mbui@deloitte.com



Phan Vũ Hoàng

Phó Tổng Giám đốc

+84 28 7101 4345

hoangphan@deloitte.com



Đinh Mai Hạnh

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0050

handinh@deloitte.com



Võ Hiệp Vân An

Phó Tổng Giám đốc

+84 28 7101 4444

avo@deloitte.com



Vũ Thu Nga

Phó Tổng Giám đốc

+84 24 7105 0023

ngavu@deloitte.com

Văn phòng Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 7105 0000
Fax: +84 24 6288 5678

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 28 7101 4555
Fax: +84 28 3910 0750

Deloitte.



Making an impact since 1991

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL” hay “Deloitte Toàn cầu”), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte Châu Á Thái Bình Dương là một hãng thành viên của Deloitte Toàn cầu. Các thành viên và các đơn vị trực thuộc của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại hơn 100 thành phố trong khu vực, bao gồm Auckland, Bangkok, Bắc Kinh, Hà Nội, Hồng Kông, Jakarta, Kuala Lumpur, Manila, Melbourne, Osaka, Seoul, Thượng Hải, Singapore, Sydney, Đài Bắc và Tokyo. Tại các nước thành viên, các hoạt động kinh doanh được thực hiện độc lập bởi các pháp nhân riêng biệt.

Deloitte Việt Nam

Tại Việt Nam, dịch vụ chuyên ngành được cung cấp bởi từng pháp nhân riêng biệt, và chi nhánh của pháp nhân đó, được gọi chung là Deloitte Việt Nam.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung và nhằm mục đích tham khảo, do vậy, không một hãng Deloitte Touche Tohmatsu Limited, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con (sau đây được gọi chung là “Tổ chức Deloitte”) và các nhân viên của họ được xem là, trong phạm vi nội dung của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những ý kiến, tư vấn về chuyên môn cho người đọc. Tài liệu này không cấu thành ý kiến tư vấn đối với người đọc và sẽ không ảnh hưởng đến các ý kiến tư vấn khác do bất kỳ nhân viên của Tổ chức Deloitte cung cấp. Những thông tin thể hiện trong tài liệu này không áp dụng đối với các trường hợp riêng biệt của doanh nghiệp. Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định hay hành động nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính hoặc hoạt động kinh doanh, người đọc nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn.

Không có tuyên bố, bảo đảm hoặc cam kết nào (rõ ràng hay ngụ ý) được đưa ra về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin trong tài liệu này, và không một hãng thành viên nào thuộc mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất xảy ra trực tiếp hay gián tiếp do kết quả của việc người đọc sử dụng, công bố, phát tán ra bên ngoài hoặc dựa vào tài liệu này để hành động, không hành động hoặc ra bất kỳ quyết định nào. DTTL và mỗi thành viên là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý.